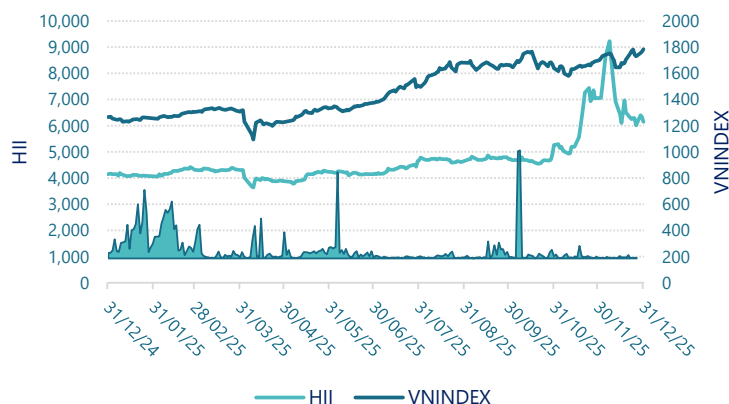


CTCP An Tiến Industries (HSX: HII)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,230
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,640
SL cổ phiếu LH	73,663,016
KLGD BQ 20 phiên (CP)	791,275
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	453
P/E	9.0
EPS	684

DT thuần

Q4/25

1,658

tỷ VNĐ

QoQ: ▼191 | -10.3%

YoY: ▼386 | -18.9%

LN sau thuế

Q4/25

-41.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼78.4 | -212%

YoY: ▼25.4 | -158%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.4%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

2025

7,539

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 333 | 4.6%

LN sau thuế

2025

56.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.6 | 204%

ROE

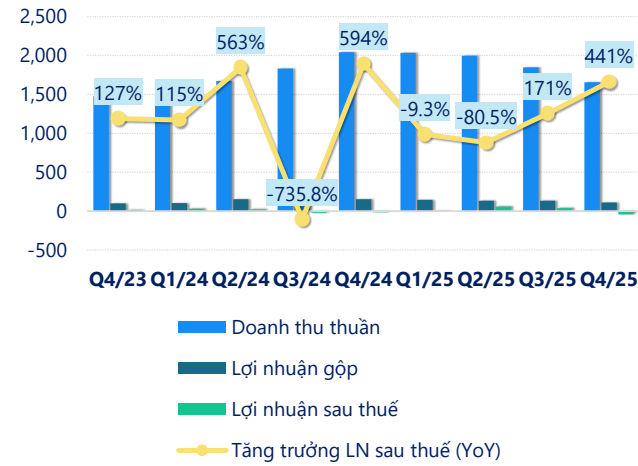
2025

5.4%

+/- YoY: ▲ 5.1%

tỷ VNĐ

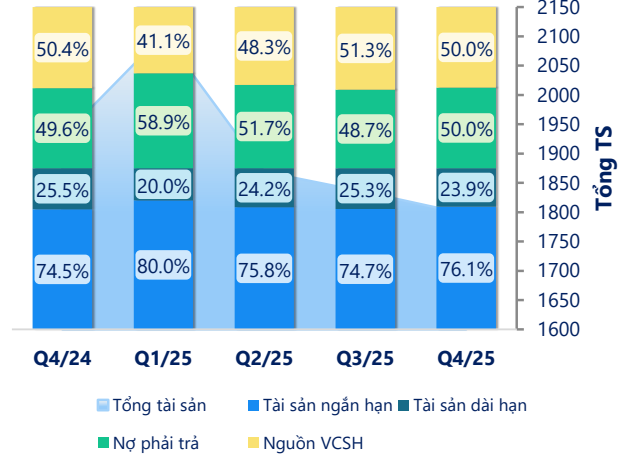
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

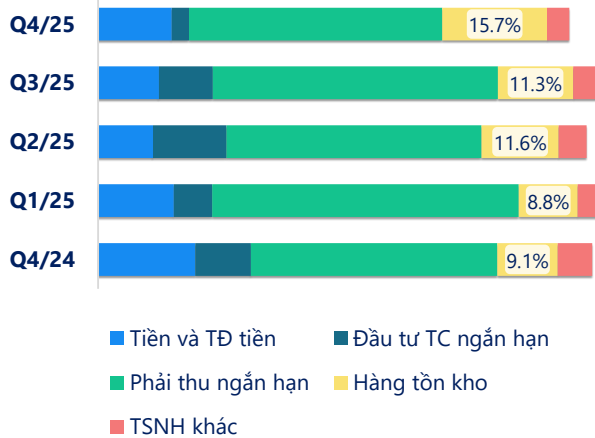
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



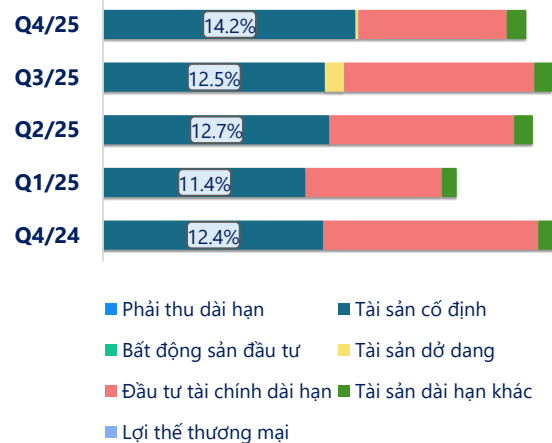
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

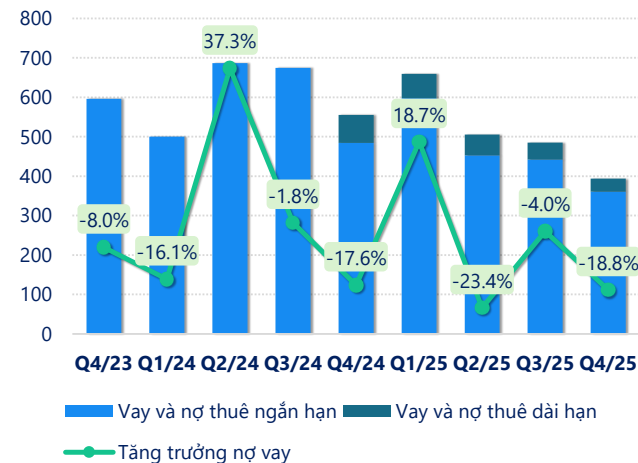
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

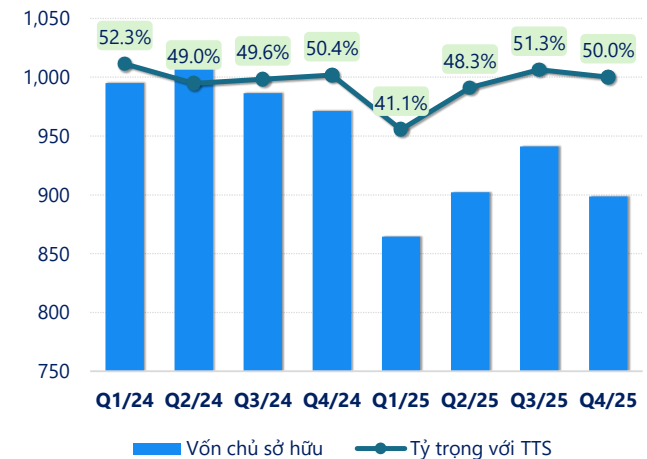
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

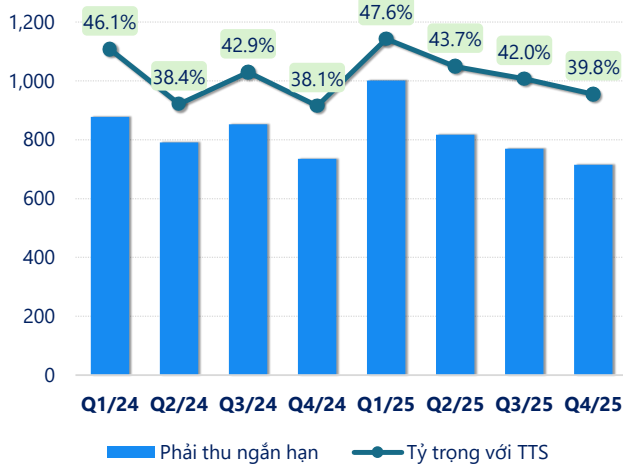
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



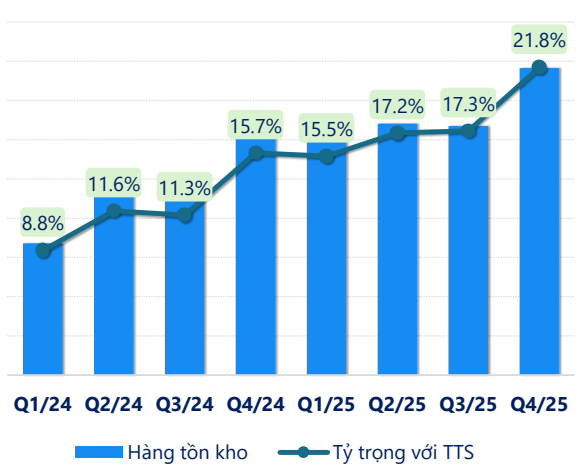
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


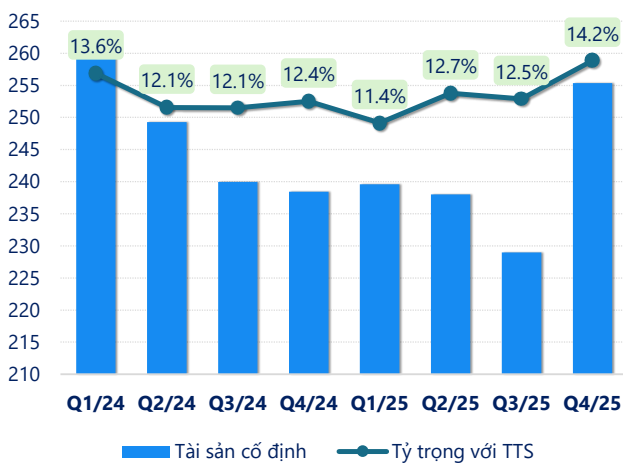
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


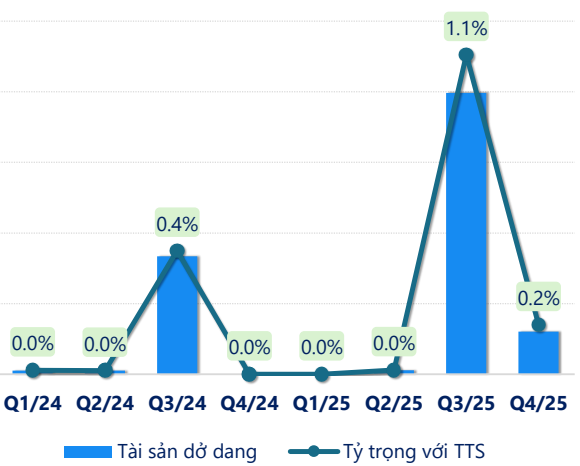
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

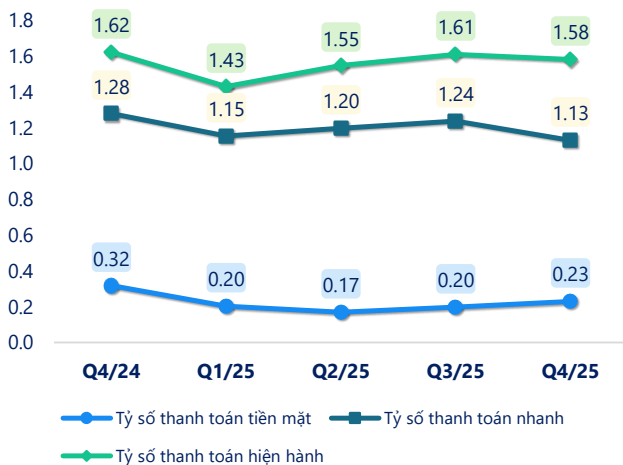
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

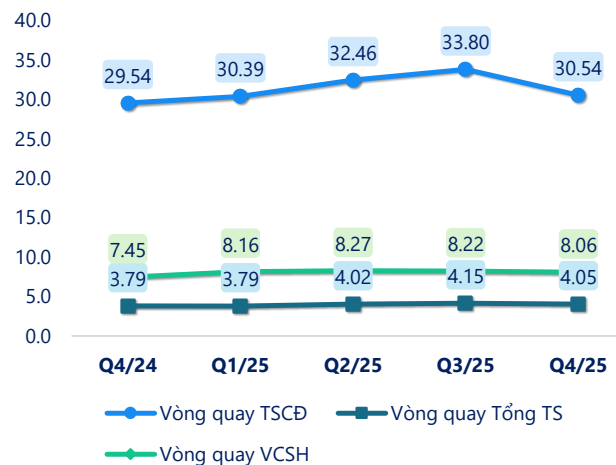
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,928	2,103	1,869	1,835	1,797
Tài sản ngắn hạn	1,436	1,684	1,416	1,370	1,367
Tiền và tương đương tiền	282	240	155	168	199
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.6	50.6	50.6	50.6	0
Phải thu ngắn hạn	735	1,001	817	770	715
Hàng tồn kho	303	326	321	317	391
Tài sản ngắn hạn khác	65.2	66.0	73.1	64.0	62.5
Tài sản dài hạn	492	420	453	465	429
Phải thu dài hạn	0.88	0.88	0.89	0.70	0.71
Tài sản cố định	238	240	238	229	255
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.27	19.9	3.02
Đầu tư tài chính dài hạn	234	162	194	197	150
Tài sản dài hạn khác	18.8	17.6	19.7	18.3	20.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	957	1,239	967	893	898
Nợ ngắn hạn	885	1,177	914	850	864
Vay và nợ thuê ngắn hạn	484	598	453	442	360
Phải trả người bán ngắn hạn	328	514	386	324	359
Nợ dài hạn	71.4	62.0	52.6	43.2	33.7
Vay và nợ thuê dài hạn	71.2	61.8	52.3	42.9	33.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	971	865	902	941	899
Vốn chủ sở hữu	971	865	902	941	899
Vốn điều lệ	737	737	737	737	737
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)